

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Trụ sở: 300B Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: 028. 39453301 – 39453302 Fax: 028. 39453298

Website: <http://www.vinaplast.com.vn>

Email: vinaplast@vinaplast.com.vn

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0300381966

Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2008

và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29/09/2022.



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

TP.HCM, ngày 19 tháng 6 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, P13, Q4, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028. 39453301 – 39453302; Fax: 028. 39453298

Mã số doanh nghiệp: 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2008 và thay đổi lần thứ 6 ngày 29/09/2022

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2023

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM NĂM 2023****Thời gian: 8h00 ngày 19 tháng 6 năm 2023 (thứ hai)****Địa điểm: Hội trường lầu 3 Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam - 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.**

TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
1.	7h30 – 8h00	I. Thủ tục đăng ký: 1. Tiếp đón cổ đông đăng ký nhận tài liệu, phiếu biểu quyết...;	BTC
2.	8h00 – 8h30	II. Thủ tục khai mạc: 1. Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu và khách mời tham dự. 2. Báo cáo tính hợp lệ của cổ đông tham dự đại hội 3. Bầu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký Đại hội & Ban kiểm phiếu và bầu cử 4. Khai mạc Đại hội. 5. Thông qua Chương trình Đại hội. 6. Thông qua Quy chế làm việc của ĐH.	BTC Ban Kiểm tra BTC/Đoàn CT Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch
3	8h30 – 09h00	III. Nội dung Đại hội: 1. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị 2. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc năm 2022. 3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.	HĐQT BKS Tổng Giám đốc Kế toán trưởng



TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
4	09h00 – 09h10	IV. Các vấn đề trình của HĐQT và BKS 1. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2022. 2. Kế hoạch SXKD năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023. 3. Thông qua Thù lao của HĐQT và tiền lương, thù lao của BKS năm 2023. 4. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.	Đoàn Chủ tịch/BKS
5	09h10 – 09h50	5. Đại hội thảo luận.	Đoàn Chủ tịch
6	09h50 – 10h10	6. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung và các tờ trình của Đại hội. 7. Kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình.	Đoàn Chủ tịch Ban Kiểm phiếu và bầu cử
7	10h10 – 10h20	8. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.	Ban Kiểm phiếu và bầu cử
8	10h20 – 10h50	V. Bầu cử Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023 - 2028 1. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 2. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc Bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023 - 2028 3. Đề cử, ứng cử và thông qua danh sách ứng viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028; 4. Tiến hành bầu cử.	Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ban Kiểm phiếu và bầu cử Ban Kiểm phiếu và bầu cử
9	10h50 – 11h10	NGHỈ GIẢI LAO	
10	11h10 – 11h45	5. Công bố kết quả bầu cử. 6. Thông qua kết quả bầu cử. 7. Đại hội tạm dừng để HĐQT bầu Chủ tịch HĐQT, BKS bầu Trưởng BKS. 8. Công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS.	Ban Kiểm phiếu và bầu cử Đoàn Chủ tịch HĐQT BKS
11	11h45 – 12h00	VI. Tổng kết Đại hội: 1. Thông qua Nghị quyết Đại hội. 2. Thông qua Biên bản Đại hội. 3. Bế mạc Đại hội.	Đoàn Chủ tịch Ban Thư ký BTC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2023

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;

Để Đại hội đồng cổ đông năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại đại hội; Chương trình đại hội; Bầu Đoàn chủ tịch, Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu và bầu cử, Ban thư ký đại hội.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua:
 - + Các báo cáo thường niên 2022 gồm: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022; Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022).
 - + Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.
 - + Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao, kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023.
 - + Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2022.
 - + Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
 - + Và các vấn đề khác theo Tờ trình của HĐQT và BKS.

- Bầu cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028
- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Biên bản Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội.

Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự đại hội để nhận Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Phiếu biểu quyết sẽ có đầy đủ các thông tin: họ tên, mã số cổ đông/người đại diện hợp pháp cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông. Trên mỗi Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông và các nội dung chính cần biểu quyết của Đại hội.

2. Ban thư ký:

- Ban thư ký đại hội do Đoàn chủ tịch giới thiệu, trình trước đại hội và được thông qua bằng biểu quyết
- Thư ký là bộ phận giúp việc của đại hội do Đoàn chủ tịch trực tiếp điều hành.
- Thư ký có nhiệm vụ ghi biên bản tổng hợp, đầy đủ, trung thực ý kiến của các cổ đông tại đại hội; soạn thảo nghị quyết và thông qua tại đại hội.

3. Ban kiểm phiếu và bầu cử

- Ban kiểm phiếu và bầu cử do Đoàn chủ tịch giới thiệu, trình trước đại hội và được thông qua bằng biểu quyết. Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:
- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Đoàn chủ tịch kết quả biểu quyết từng vấn đề tại đại hội.
- Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử.
- Phát và thu phiếu bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả bầu cử.
- Xem xét và báo cáo với đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

4. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại đại hội, sau khi nghe các báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;

- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình đại hội;
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

5. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội.

a Nguyên tắc:

- Cổ đông, đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
- Các nội dung trình đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự đại hội tán thành, riêng nội dung sửa đổi Điều lệ chỉ được thông qua khi có ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự đại hội tán thành.
- Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2023, việc biểu quyết bằng phương thức ghi nhận kết quả biểu quyết vào Thẻ biểu quyết đối với việc biểu quyết thông qua các tờ trình và giơ Phiếu biểu quyết đối với việc biểu quyết các nội dung còn lại được thông qua tại đại hội.

b Cách thức biểu quyết:

Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

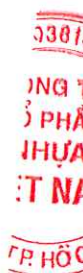
- Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách **đánh dấu vào ô tương ứng trong Thẻ biểu quyết**, sau đó chuyển lại Thẻ biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội bằng cách đánh dấu (x) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết. Ký tên và ghi rõ họ và tên vào vị trí “Chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền” ở phía cuối Thẻ biểu quyết.

Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác...khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.



Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không có ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

Biểu quyết thông qua các nội dung còn lại tại Đại hội:

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết **tán thành, không tán thành** hoặc **không có ý kiến** về một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách **giơ cao Phiếu biểu quyết**.
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền chỉ được thực hiện biểu quyết một lần cho mỗi nội dung cần được thông qua.
- Khi biểu quyết giơ Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía chủ tọa điều khiển đại hội.

Bầu cử thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028:

Thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

6. Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình đại hội

Chủ tọa đại hội được quyết định áp dụng các biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo và duy trì an ninh trật tự trong quá trình đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ NGỌC DIỆP

-----oOo-----

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam (Công ty), Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam (HĐQT) xin báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và định hướng hoạt động năm 2023 của HĐQT, gồm các nội dung sau:

I. Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2022

1. Nhân sự HĐQT

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 (nhiệm kỳ 2018-2023), HĐQT đã được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn 06 thành viên vào ngày 29/6/2018, gồm: (1) Ông Lê Hoàng; (2) Bà Lê Ngọc Diệp; (3) Ông Phan Trung Nam; (4) Bà Vũ Thị Minh Thục; (5) Ông Vũ Hân; (6) Ông Bùi Quốc Thịnh.

Ngày 29/6/2018, HĐQT bổ nhiệm Ông Lê Hoàng làm Chủ tịch HĐQT (Ông Lê Hoàng là Chủ tịch HĐQT chuyên trách, phụ trách đại diện phần vốn của SCIC tại Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam).

Ngày 30/06/2020, ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là Ông Hoàng Minh Sơn, nâng tổng số thành viên HĐQT là 07 thành viên.

Ngày 29/6/2021, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Lê Hoàng.

Ngày 29/6/2021, HĐQT bổ nhiệm Bà Lê Ngọc Diệp làm Chủ tịch HĐQT.

Hiện nay, tổng số thành viên HĐQT là 06 người, gồm:

- Bà Lê Ngọc Diệp: Chủ tịch HĐQT không chuyên trách, phụ trách đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) tại Vinaplast, đại diện 25,85% vốn góp của SCIC tại Vinaplast.

- Ông Phan Trung Nam: Thành viên HĐQT không chuyên trách, đại diện 20% vốn góp của SCIC tại Vinaplast, Người đại diện theo pháp luật của Vinaplast, Tổng Giám đốc.

- Bà Vũ Thị Minh Thục: Thành viên HĐQT không chuyên trách, đại diện 20% vốn góp của SCIC tại Vinaplast, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty.

- Ông Vũ Hân: Thành viên độc lập HĐQT

- Ông Bùi Quốc Thịnh: Thành viên độc lập HĐQT.

- Ông Hoàng Minh Sơn: Thành viên HĐQT

Với cơ cấu HĐQT hiện tại, Công ty đã đáp ứng đúng về số lượng thành viên HĐQT không hành, thành viên độc lập HĐQT theo quy định hiện hành của Nhà nước đối với Công ty đại chúng chưa niêm yết.

2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2022

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc lãnh đạo, quản lý, điều hành theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. HĐQT Vinaplast báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát các mặt hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2022 như sau:

2.1. Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã có 12 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, trong đó có 4 phiên họp thường kỳ HĐQT vào các ngày 28/3/2022; 23/5/2022; 27/7/2022 và 02/12/2022, với tỷ lệ 100% thành viên HĐQT tham gia

2.2. Công tác quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ của Công ty

- HĐQT hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát.

- Hàng năm, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc ổn định tổ chức bộ máy, ban hành các quy định, quy chế đáp ứng yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty theo phân cấp và Điều lệ Công ty.

- Các thành viên HĐQT đã đóng góp ý kiến xác thực theo nội dung đặt ra, đồng thuận cao theo thẩm quyền về các quyết định và nỗ lực trong việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng như các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Công ty.

Những vấn đề phát sinh theo yêu cầu công việc và thuộc thẩm quyền của HĐQT, HĐQT đã xin ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT và tiếp nhận góp ý kiến của Ban Kiểm soát (BKS) để thông qua các văn bản (Nghị quyết, Quyết định).

- HĐQT phối hợp với BKS đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo định kỳ quý, từ đó có những chỉ đạo kịp thời đối với Công ty.

- Trong năm 2022, HĐQT đã phê duyệt các Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty cũng như phê duyệt các nội dung chỉ đạo công tác SXKD theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	09.22/NQ-NVN-HĐQT	06/04/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 36
02	10.22/NQ-NVN-HĐQT	06/04/2022	Quyết định của HĐQT về gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam
03	16.22/NQ-NVN-HĐQT	26/04/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 37 chốt danh sách cổ đông
04	19.22/NQ-NVN-HĐQT	23/05/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 38
05	20.22/QĐ-NVN-HĐQT	23/05/2022	Quyết định của HĐQT về Bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
06	21.22/QĐ-NVN-HĐQT	23/05/2022	Quyết định của HĐQT về Kế hoạch trả nợ Hợp đồng tín dụng ODA
07	32.22/NQ-NVN-HĐQT	18/07/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 39
08	33.22/QĐ-NVN-HĐQT	18/07/2022	Quyết định của HĐQT phê duyệt đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022
09	34.22/QĐ-NVN-HĐQT	18/07/2022	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt Quy chế trả lương, trả thưởng, thù lao đối với Người quản lý, Người lao động của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam
10	35.22/QĐ-NVN-HĐQT	18/07/2022	Quyết định của HĐQT về việc quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Người quản lý, Người lao động Công ty.
11	41.22/NQ-NVN-HĐQT	07/10/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 41
12	45.22/NQ-NVN-HĐQT	26/10/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 42
13	49.22/NQ-NVN-HĐQT	07/11/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 43
14	53.22/NQ-NVN-HĐQT	02/12/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 44
15	54.22/QĐ-NVN-HĐQT	02/12/2022	Quyết định của HĐQT phê duyệt ký Phụ lục HĐLĐ với Tổng Giám đốc
16	55.22/QĐ-NVN-HĐQT	02/12/2022	Quyết định của HĐQT phê duyệt ký Phụ lục HĐLĐ với Kế toán trưởng
17	59.22/NQ-NVN-HĐQT	11/12/2022	Nghị quyết của HĐQT phiên 45

2.3. Công tác chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD

Năm 2022, nhận định từ những ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới nói chung bởi chiến tranh Nga & Ucraina, đại dịch Covid 19 và Việt Nam nói riêng, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn rất nhiều khó khăn do nhu cầu thị trường thu hẹp, tình hình siết chặt tín dụng,... ngay từ những tháng đầu năm, HĐQT đã có những định hướng, chỉ đạo trong công tác quản trị công ty, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát luôn bám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh các hoạt động SXKD, dịch vụ nhằm thực hiện mục tiêu đã được ĐHCĐ giao cho. Thông qua các phiên họp định kỳ hàng quý, HĐQT đã xem xét, đánh giá tình hình SXKD của Công ty để có những định hướng, chỉ đạo, cảnh báo kịp thời trong công tác quản trị Công ty đối với Ban Tổng Giám đốc. Đồng thời, HĐQT cũng tổ chức nhiều phiên họp khác dưới các hình thức trao đổi, thư điện tử, lấy ý kiến bằng văn bản... để kịp thời ban hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT Công ty luôn bám sát và giám sát các hoạt động của Công ty, thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT để thống nhất phương hướng, quan điểm

giải quyết các nội dung đột xuất; tham gia đóng góp ý kiến, thảo luận, chất vấn tại các kỳ họp HĐQT,....

Kết quả SXKD trong năm 2022 của Công ty như sau:

STT	Chi tiêu	ĐVT	KH theo NQ ĐH 2022	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2021	Năm 2022	TH 2022/ NQ 2022	TH 2022/ TH 2021
1.	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ đồng	194,28	194,28	194,28	100	100
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	415,96	391,50	251,67	60,50	64,28
3.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	348,26	316,95	178,75	51,33	56,40
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,98	64,41	51,60	101,22	80,11
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	50,80	63,64	51,38	101,15	80,73
6.	Cổ tức	%	0	0	0	100	100

(Chi tiết tình hình kết quả SXKD, đánh giá thuận lợi, khó khăn của Công ty năm 2022 được nêu trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát Công ty).

2.4. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

- HĐQT luôn phối hợp, hỗ trợ cùng Ban Tổng Giám đốc và tập thể Người lao động Công ty phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ giao cho. HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ;

- Trong quá trình chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai kế hoạch SXKD, HĐQT đã kịp thời đưa ra những góp ý, cảnh báo, khuyến nghị về những rủi ro cho Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành SXKD của Công ty;

- Trong các cuộc họp xem xét, đánh giá tình hình SXKD theo định kỳ, HĐQT luôn có những định hướng kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị Công ty, cũng như những định hướng kế hoạch cho năm 2022;

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn của HĐQT. Số thành viên HĐQT dự họp trong các phiên họp của HĐQT đảm bảo đúng quy định, các thành viên tích cực đóng góp ý kiến, gợi mở nhiều hướng phát triển SXKD của Công ty cũng như các vấn đề nâng cao quản trị doanh nghiệp;

- Các Nghị quyết của HĐQT đều có nội dung đảm bảo ban hành đúng quy định, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh và phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

- Các vấn đề được thảo luận, lấy ý kiến và tổng hợp Biên bản, nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thực hiện đúng quy trình và phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT.

- Báo cáo giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:

* Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không

* Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: Không

* Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

+ Giao dịch với Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An (công ty con):

Không phát sinh mua bán

+ Giao dịch với Công ty TNHH MTV Thương mại Nhựa Việt Nam (công ty con):

Không phát sinh mua bán

+ Giao dịch với Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số Một (công ty con):

Không phát sinh mua bán

+ Giao dịch với Công ty CP Nhựa Việt Phước (công ty con):

Cho thuê máy móc thiết bị 1.390.528.300 đ

Cho thuê đất 7.101.818 đ

Tiền cho vay và lãi vay 556.554.795 đ

+ Giao dịch với Công ty CP Nhựa Vân Đồn (công ty liên kết):

Không phát sinh mua bán

+ Giao dịch với Công ty CP Nhựa Thăng Long (công ty có liên quan):

Cho thuê máy móc thiết bị 420.000.000 đ

+ Giao dịch với Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (công ty liên kết):

Cổ tức phát sinh 46.994.400.000 đ

+ Giao dịch với Công ty TNHH LD Việt Thái Plastchem (công ty liên kết):

Cổ tức phát sinh 10.039.494.284 đ

Phí hoa hồng 1.630.559.986 đ

* Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không

* Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không

2.5. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 17/6/2022, Công ty đã chi trả:

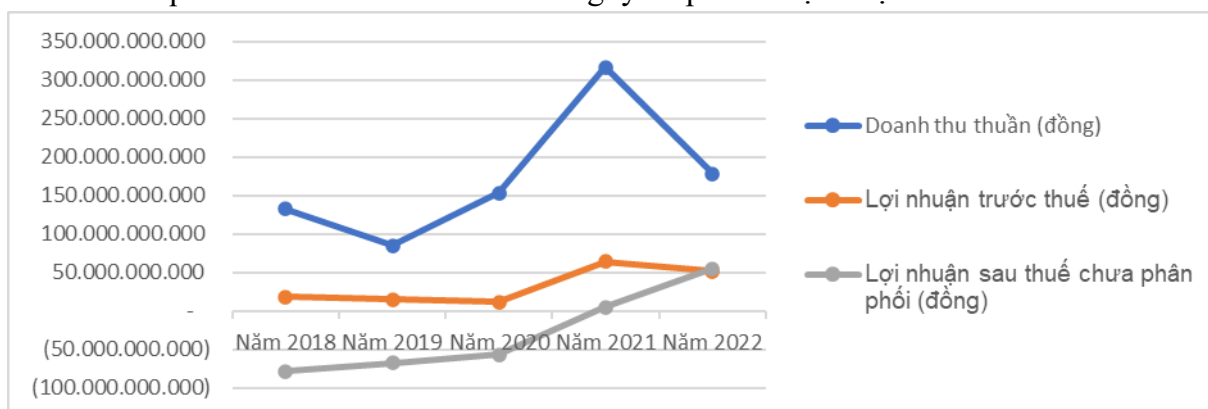
+ Thù lao của Hội đồng quản trị: 312.000.000 đồng.

+ Tổng thù lao BKS, tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và ngân sách hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát: 378.840.000 đồng

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2018 - 2023

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018 -2023

Kết quả 5 năm 2018 - 2023 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:



Như vậy, có thể thấy các chỉ tiêu Công ty đạt được trong nhiệm kỳ qua tuy còn khiêm tốn, chưa trả cổ tức cho cổ đông nhưng đã ngăn chặn được lỗ phát sinh, chấm dứt lỗ lũy kế và vốn đầu tư được bảo toàn & phát triển.

Đơn vị tính: Triệu đồng./.

Chi tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng doanh thu	171.830	130.416	200.043	391.509	251.676
Doanh thu thuần	132.993	85.590	153.252	316.956	178.754
Lợi nhuận trước thuế	18.938	15.093	11.861	64.413	51.600
Lợi nhuận sau thuế	22.311	12.243	12.374	63.649	51.386
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(77.834)	(67.058)	(56.104)	5.599	55.295
Vốn chủ sở hữu	116.805	127.231	138.185	199.889	249.584

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2018 - 2023

Nhiệm kỳ 2018-2023, tính đến ngày 20/4/2023 (ngày hết hạn công bố Báo cáo thường niên năm 2022), HĐQT đã họp tổng cộng 48 phiên họp và chỉ đạo, phê duyệt một số công việc sau:

- Miễn nhiệm và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, miễn nhiệm nhân sự tham gia HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023; thay đổi người đại diện vốn tại doanh nghiệp có vốn góp.

- Chỉ đạo sửa đổi hoàn thiện và ban hành Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty tại ĐHĐCĐ năm 2021.

- Chỉ đạo, phối hợp với Ban Điều hành trong hoạt động SXKD của Công ty. Kết quả nhiệm kỳ 2018-2023 đạt được tuy còn khiêm tốn, chưa trả cổ tức cho các cổ đông những với những nỗ lực, Công ty đã xóa lỗ lũy kế và bắt đầu có lãi, vốn đầu tư được bảo toàn, phát triển. Trong nhiệm kỳ 2018-2023, Công ty đã thu xếp, trả nợ vay ODA tổng số tiền ~ 100 tỷ đồng (bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh định kỳ).

Tuy vậy, một số công việc vẫn đang tiếp tục xử lý, hoàn thiện:

- Công ty chưa hoàn thiện được thủ tục giảm vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận ĐKKD bằng vốn điều lệ thực góp do không có quy định hướng dẫn cụ thể cho trường hợp này.

- Việc đầu tư máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ODA của Trung Quốc không có hiệu quả: Công ty chưa được các cấp có thẩm quyền giải quyết Đề án xử lý rủi ro (cơ cấu lại phương án trả nợ); ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá; chưa hoàn thành việc quyết toán Dự án, còn nhiều tồn tại của Dự án chưa được khắc phục.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt công tác sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất.

- Về công tác tái cơ cấu:

+ Chưa hoàn thành việc giải thể các công ty con hoạt động không có hiệu quả do chưa hoàn tất việc quyết toán thuế.

+ Tạm dừng thoái vốn tại Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn do Tòa án đã có thông báo về mở thủ tục phá sản của Nhựa Vân Đồn.

+ Việc chuyển nhượng Dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại số 360 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long làm chủ đầu tư chưa thực hiện được do phụ thuộc vào đối tác nhận chuyển nhượng cũng như các chế độ chính sách của Nhà nước.

Ngoài thực hiện các công việc ĐHCĐ năm 2022 giao cho, HĐQT đang tập trung xử lý một số nội dung sau:

- Chủ động làm việc, chỉ đạo đôn đốc, có biện pháp xử lý, thu hồi các khoản công nợ tồn đọng đặc biệt là khoản công nợ tại Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn, Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long.

- Tăng cường công tác giám sát, quản trị vốn tại các đơn vị có vốn góp của Công ty (hàng tồn kho của Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước, công tác phá sản/giải thể của Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn, khoản vốn góp/công nợ tại Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long...).

- Tiếp tục chỉ đạo làm việc với Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam để được tháo gỡ khó khăn liên quan đến khoản vay ODA Trung Quốc.

- Chỉ đạo rà soát, thực hiện sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất để báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kết quả giám sát Người quản lý Công ty

Trong nhiệm kỳ 2018 - 2023, công tác bổ nhiệm Người quản lý Công ty cụ thể như sau:

- Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/6/2018, Ông Lê Hoàng và Ông Phan Trung Nam là Người đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng có sự phân nhiệm rõ ràng. Ngày 29/6/2021, ĐHCĐ thông qua Điều lệ quyết định Ông Phan Trung Nam - Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật duy nhất của Công ty (Ông Phan Trung Nam được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 29/6/2018)

- Ngày 21/01/2019: Bà Trần Thị Phụng được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng, Bà Vũ Thị Minh Thục được bổ nhiệm làm Người Phụ trách quản trị Công ty.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ huy, hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật và phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ Công ty và theo ủy quyền của HĐQT.

- Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc thường xuyên triển khai với đội ngũ cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc, tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho đơn vị theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo gắn thu nhập của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty, bước đầu cải cách được việc làm và tiền lương, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao ý thức, kỷ luật lao động.

III. Định hướng hoạt động năm 2023 của HĐQT

Sau khi đánh giá và nhận định tình hình kinh tế xã hội, thị trường ngành nhựa, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và căn cứ thực trạng của Công ty, HĐQT thống nhất với Ban Tổng Giám đốc xây dựng và quyết tâm thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

1. Trình ĐHCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023
1.	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	194,28
2.	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	224,88
3.	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	187,00
4.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,20
5.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,14

2. Tiếp tục giám sát chặt chẽ và quyết liệt, kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc theo thẩm quyền nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu SXKD đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 giao cho.

3. Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty; hàng quý tổ chức các phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả Nghị quyết của ĐHCĐ và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT; tăng cường vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT trong công tác quản trị doanh nghiệp.

4. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý công ty, làm cơ sở pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, phát triển và mở rộng thị trường

5. Tăng cường quản trị rủi ro doanh nghiệp:

- Tăng cường giám sát, quản trị, đảm bảo quy định về các tỷ lệ an toàn (sử dụng

vốn/nguồn vốn, giám sát chi phí, tăng cường chỉ đạo công tác quản trị doanh nghiệp, giảm nợ khó đòi); đảm bảo tính đầy đủ, phù hợp và tuân thủ các quy chế/ quy định của Công ty đã ban hành;

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán, trong đó đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra bao gồm cả tự kiểm tra, tiếp thu các đánh giá của BKS trong các báo cáo hàng năm, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc xử lý các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản trị doanh nghiệp (giải quyết công nợ quá hạn, dự phòng đầu tư tài chính...);

- Kiểm soát chặt chẽ rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty để có phương án xử lý và cảnh báo kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc Công ty.

6. Tiếp tục kiến nghị các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết các tồn tại trước đây nhằm tháo gỡ khó khăn cho Công ty: điều chỉnh đăng ký kinh doanh, khoan giãn nợ khoản nợ ODA,....

7. Thực hiện các nội dung liên quan đến cổ đông và ĐHĐCĐ; HĐQT và thành viên HĐQT; Ban Kiểm soát (BKS) và kiểm soát viên; Nghĩa vụ của Người quản lý doanh nghiệp trong việc ngăn ngừa xung đột lợi ích, báo cáo và công bố thông tin đảm bảo Công ty đã tuân thủ quy định về quản trị công ty theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng.

HĐQT xin báo cáo Đại hội xem xét, thảo luận đóng góp ý kiến, thông qua định hướng phát triển năm 2023 và giao cho HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 tiếp tục định hướng, lãnh đạo, giám sát chặt chẽ để hoàn thành mục tiêu của Công ty và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HĐQT



Lê Ngọc Diệp

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Số : 19./VNP-BKS

V/v : Báo cáo của BKS tại ĐHCĐ

Thường niên năm 2023

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2023



Kính gửi : - Đại hội Cổ đông Công Ty CP Nhựa Việt Nam

Ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Nam xin được gửi các thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Trân trọng./.

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

Trang Thị Kiều Thiên

Nơi nhận:

- Như trên
- TV BKS
- Lưu: VT, BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ vào quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 165 luật doanh nghiệp và điều 38 của Điều lệ Công ty;
- Căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông năm 2022 Công ty ngày 17/06/2022
- Căn cứ vào báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch 2022 của Giám đốc Công ty.
- Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm 2022 do Công ty lập và đã được Công ty kiểm toán VACO kiểm tra.

Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 trước ĐHCĐ như sau:

PHẦN A: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2022

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ các hoạt động kinh doanh; công tác quản lý vốn và tài sản; công tác quản lý điều hành; thẩm định Báo cáo tài chính và các công việc khác theo đúng quyền hạn, trách nhiệm của Ban kiểm soát đã được Đại hội cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị cho HĐQT và Ban điều hành để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát rủi ro và nâng cao vai trò trách nhiệm của HĐQT và Ban giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.

+ Lập báo cáo kiểm tra, giám sát quý, năm theo quy định của điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

+ Thực hiện việc kiểm tra kết quả SXKD năm 2021 của Công ty.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và đề xuất với Đại hội cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo Tài chính năm 2022 của Công ty

+ Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban điều hành trong quản lý công nợ, kiểm tra, đôn đốc xử lý khoản nợ xấu khó đòi.

+ Tham gia các phiên họp HĐQT để nắm bắt, giám sát kịp thời tình hình hoạt động của Công ty

+ Trao đổi thường xuyên với các thành viên Ban kiểm soát về các vấn đề liên quan tới chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Dưới đây là kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm qua:

I/. Kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh và thẩm định BCTC năm 2022

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

- Năm 2022 tổng doanh thu Công ty đạt 251,66 tỷ, tổng chi phí là 200,06 tỷ, lợi nhuận trước thuế là 51,60 tỷ, sau thuế 51,38 tỷ. Như vậy, theo kế hoạch của ĐHCĐ giao thì năm 2022 Công Ty không hoàn thành kế hoạch doanh số chỉ đạt 60,5% so với KH năm và 64,28% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt 101,15% tăng 1,15 % so KH năm và 80,73 % so với cùng kỳ năm trước).

Kết quả kinh doanh 2022 không đạt về doanh số do một số nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng biến động của thị trường trong và ngoài nước nhu cầu tiêu thụ hàng hóa giảm, giá nguyên liệu giảm mạnh nên chỉ thực hiện bằng 60,5 % so với kế hoạch năm

- Doanh thu từ hoạt động tài chính đạt 72,47 tỷ giảm 1,81 tỷ so với năm 2021

(Chi tiết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 như phụ lục đính kèm)

2. Thẩm tra Báo cáo tài chính: Qua xem xét sổ sách kế toán và BCTC do Công ty lập, BKS ghi nhận BCTC đã phản ánh trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2022.

3. Đánh giá kết quả kiểm tra của kiểm toán VACO năm 2022: BKS đồng ý với ý kiến của Vaco về việc đánh giá các số liệu tài chính của Công Ty năm 2022 đã được phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu theo đúng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác của pháp luật.

(Chi tiết số liệu trên bảng cân đối kế toán đến 31/12/2022 như phụ lục đính kèm)

4. Kiểm tra giám sát tình hình vốn và hiệu quả sử dụng vốn

4.1. Vốn kinh doanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 194,28 tỷ không thay đổi so với năm trước.

4.2. Hiệu quả sử dụng vốn: Hiệu quả sử dụng vốn tăng so với thời gian trước, lượng tiền hiện có là 113,80 tỷ đồng bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn.

4.3 Công tác đầu tư:

- Dự án khuôn mẫu và trực in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc Số dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tại thời điểm 31/12/2022 là 26.966.315,62 CNY (tương đương 91,36 tỷ). BKS kiến nghị có kế hoạch cân đối trả nợ đều đặn để giảm chi phí phát sinh lãi quá hạn.

- Dự án “Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tại 360 đường Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với giá trị 21 tỷ do thay đổi một số thủ tục dự án, cho đến nay vẫn chưa hoàn tất việc chuyển nhượng, BKS kiến nghị ban điều hành Công Ty làm việc với Nhựa Thăng Long (Bên chuyển nhượng) và xử lý dứt điểm dự án trên để thu hồi khoản tiền đầu tư bổ sung vào vốn lưu động hiện tại Công Ty.

- Hoạt động các Công ty con:

* Công ty CP Nhựa Việt Phước: Trong năm 2022 là năm thứ hai liên tiếp Việt Phước có kết quả kinh doanh thua lỗ, Công Ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tại đơn vị này 4,40 tỷ, vì vậy BKS kiến nghị ban điều hành Công Ty cần xem xét và có hướng xử lý

tích cực các vấn đề khó khăn hiện tại của đơn vị này để thu hồi bớt công nợ đồng thời việc đầu tư vào Công ty con tại Việt Phước đạt kết quả tốt hơn.

* Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số 1, Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An, Công ty TNHH TM&DV Nhựa Việt Nam là những công ty con đã ngừng hoạt động do kinh doanh không có hiệu quả, BKS cũng kiến nghị ban điều hành Công ty tập trung thu hồi công nợ và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng với cơ quan thuế và thực hiện các thủ tục giải thể đối với các đơn vị này.

5. Các rủi ro tiềm ẩn của Công ty:

***Rủi ro về công nợ:**

Công ty CP Nhựa Vân Đồn: Số dư nợ tại thời điểm 31/12/2022 là 47,35 tỷ, Ban điều hành Công ty đã trích lập dự phòng và đã gửi đơn khởi kiện. Đầu năm 2021, tòa án có quyết định mở thủ tục phá sản đối với đơn vị này vì vậy BKS kiến nghị Ban điều hành Công Ty bám sát, theo dõi tình hình để liên hệ và làm việc với đơn vị xử lý công nợ trên.

*** Rủi ro về các khoản đầu tư:**

Hiện nay khoản rủi ro đầu tư góp vốn vào **Công Ty CP Nhựa Vân Đồn** 16.96 tỷ chiếm tỷ lệ 20,69% vốn điều lệ (Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại khi Công ty thực hiện cổ phần hóa) Công ty có chủ trương thoái vốn nhưng chưa thực hiện được như lý do đã nêu phần rủi ro công nợ.

6. Trích lập các quỹ:

Năm 2022, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1,465 tỷ
- Quỹ thưởng người quản lý: 0,226 tỷ

(Theo NQ 28.22/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 17/06/2022)

7. Thù lao HĐQT và tiền lương, thù lao kế hoạch NS hoạt động BKS:

- Thù lao HĐQT: 312.000.000 đồng
- Tiền lương, thù lao kế hoạch NS hoạt động BKS: 378.840.000 đồng.

(Theo NQ 28.22/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 17/06/2022)

8. Đối với cổ đông: Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty.

II. Nhận xét, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban giám đốc Công Ty

- Hội đồng quản trị đã quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, của HĐQT đề ra phù hợp với chức năng và quyền hạn của HĐQT

- Ban Giám đốc đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc tuân thủ đúng các nghị quyết của ĐHCĐ và nghị quyết HĐQT.

- Ban Kiểm soát cũng đánh giá sự cố gắng và nỗ lực của HĐQT, Ban giám đốc công ty trong tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn trong năm vừa qua do sự biến động của thị trường đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh Công ty.

III. Kiến nghị:

Với những nhận xét và đánh giá trên, Ban kiểm soát kiến nghị với HĐQT và Ban Điều hành Công ty cụ thể như sau:

+ Tăng cường công tác mở rộng thị trường, tiếp thị khách hàng để nâng cao hiệu quả SXKD đồng thời xem xét tình hình thị trường thúc đẩy bộ phận kinh doanh bán hàng để giảm lượng hàng tồn kho giảm chi phí thuê kho bãi, tăng doanh thu tăng thêm vòng quay vốn.

+ Giải quyết triệt để các khoản nợ quá hạn, khó đòi để thu hồi vốn và giảm thất thoát vốn cho Công ty.

+ Hạn chế tuyệt đối không phát sinh nợ quá hạn khó đòi để mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn

PHẦN B: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát sẽ đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát hoạt động SXKD, quản lý và điều hành của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2022 theo điều lệ Công ty trước ĐHCĐ thường niên 2023; lựa chọn đơn vị kiểm toán trình ĐHCĐ phê duyệt.

- Kiểm tra kết quả SXKD năm 2022.

- Giám sát việc tổ chức hoạt động SXKD và thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Nhà nước, việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ, giám sát việc ban hành và tuân thủ các quy trình, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Thẩm định báo cáo kết quả SXKD, Báo cáo Tài chính 2023 hàng quý, năm

- Kiểm tra, giám sát công tác thu hồi vốn, công nợ và kiểm soát rủi ro của Công ty.

Kiểm tra việc huy động, sử dụng, phân phối các nguồn lực của doanh nghiệp bao gồm: Tài sản, vật tư hàng hóa, tiền vốn, doanh thu, lợi nhuận.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông. Rất mong được sự góp ý chân thành các cổ đông nhằm giúp chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong niên độ tới.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)	
					TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
A/ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH						
1 Vốn góp CSH	Tỷ đồng	194,28	194,28	194,28		
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	391,49	415,96	251,66	60,50	64,28
Trong đó:						
- Doanh thu thuần	Tỷ đồng	316,95	348,26	178,75	51,33	56,40
- Doanh thu hoạt động TC	Tỷ đồng	74,28		72,47		
- Thu nhập khác	Tỷ đồng	0,26		0,44		
2. Tổng chi phí	Tỷ đồng	327,08		200,06		61,16
Trong đó:						
- Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	304,82		175,59		
- Chi phí tài chính	Tỷ đồng	13,08		13,50		
- Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	3,71		2,79		
- Chi phí quản lý	Tỷ đồng	5,38		8,10		
- Chi phí khác	Tỷ đồng	0,09		0,08		
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64,41	50,98	51,60	101,22	80,11
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63,64	50,80	51,38	101,15	80,73
5. Tỷ suất LN sau thuế/ vốn góp CSH	%	32,76	26,15	26,45		
6. Tỷ lệ chia cổ tức/ vốn góp CSH	%	0	0	0		
B/ CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ						
1. Khả năng thanh toán						
Chỉ số thanh toán nhanh (Tien+PTNH)/NONH	Lần	1,16		1,27		
Chỉ số thanh toán hiện thời (TSNH/NONH)	Lần	1,27		1,93		
2. Các hệ số về khả năng sinh lời						
ROA=LN trước thuế/ Tổng TS	%	17,21		14,35		
ROE=LN trước thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	32,22		20,67		
LN trước thuế/Doanh thu	%	16,45		20,50		
LN sau thuế/Doanh thu	%	16,26		20,42		
3. Các hệ số về cơ cấu vốn						
Hệ số bảo toàn vốn CSH(VCSHCK/VCSHĐK)	%	100		100		
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	53,41		69,40		
Hệ số nợ tài sản (Nợ phải trả/Tổng TS)	%	46,59		30,60		
Hệ số bảo đảm nợ (Vốn CSH/Nợ phải trả)	%	114,65		226,84		
Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả /Vốn CSH)	%	87,22		44,08		

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	31/12/2022	01/01/2022
1	2	3
A. Tài sản ngắn hạn	211.232.437.387	221.007.827.474
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.105.338.190	16.528.827.226
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.698.093.090	136.269.371.166
3. Phải thu ngắn hạn	25.063.570.495	49.291.008.717
<i>Trong đó : - Phải thu các khoản ngắn hạn</i>	<i>91.418.593.857</i>	<i>116.741.537.966</i>
<i>- Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(66.355.023.362)</i>	<i>(67.450.529.249)</i>
4. Hàng tồn kho	61.519.561.271	13.331.379.845
<i>Trong đó : - Hàng tồn kho</i>	<i>68.188.291.218</i>	<i>13.385.959.924</i>
<i>- Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(6.668.729.947)</i>	<i>(54.580.079)</i>
5. Tài sản ngắn hạn khác	10.845.874.341	5.587.240.520
A. Tài sản dài hạn	148.377.171.822	153.222.016.555
1. Phải thu dài hạn	21.040.000.000	21.040.000.000
2. Tài sản cố định	341.526.492	380.737.537
3. Đầu tư tài chính dài hạn	121.221.929.234	125.623.531.266
<i>Trong đó : - Đầu tư Cty con, Cty LD, LK</i>	<i>154.970.168.489</i>	<i>154.970.168.489</i>
<i>- Dự phòng đầu tư TC dài hạn</i>	<i>(33.748.239.255)</i>	<i>(29.346.637.223)</i>
4. Tài sản dài hạn khác	5.773.716.096	6.177.747.752
Tổng cộng tài sản	359.609.609.209	374.229.844.029
NGUỒN VỐN		
A. Nợ phải trả	110.025.152.507	174.341.004.919
1. Nợ ngắn hạn	109.544.023.707	173.859.876.119
2. Nợ dài hạn	481.128.800	481.128.800
B. Vốn chủ sở hữu	249.584.456.702	199.888.839.110
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	194.289.130.000	194.289.130.000
2. LNST chưa phân phối	55.295.326.702	5.599.709.110
Tổng cộng nguồn vốn	359.609.609.209	374.229.844.029

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam (Công ty) báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ SXKD năm 2023 như sau:

I. Kết quả hoạt động SXKD năm 2022

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1. Tình hình kinh doanh riêng của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

Kết quả SXKD cụ thể của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ (%)	
					TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	391,50	415,96	251,67	60,50	64,28
Trong đó:						
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	316,95	348,26	178,75	51,33	56,40
2. Tổng chi phí	Tỷ đồng					
Trong đó:						
- Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	304,82		175,59		57,60
- Chi phí tài chính	Tỷ đồng	13,08		13,50		103,16
Trong đó lãi vay	Tỷ đồng	7,91		5,10		64,49
- Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	3,71		2,79		75,30
- Chi phí quản lý	Tỷ đồng	5,38		8,10		150,66
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	64,41	50,98	51,60	101,22	80,11
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	63,64	50,80	51,38	101,15	80,73
5. Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Về kết quả SXKD: Kết quả trên cho thấy hiệu quả SXKD của Công ty giảm so với cùng kỳ năm trước:

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 chỉ bằng 60,5% so với kế hoạch được duyệt năm 2022 và đạt 64,28% so với cùng kỳ năm trước. Riêng chỉ tiêu doanh thu thuần thực hiện năm 2022 bằng 56,4% so với cùng kỳ năm trước và chỉ bằng 51,33% so với kế hoạch năm 2022 mà Nghị quyết Đại hội thường niên năm 2022 giao cho.

+ Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 tuy chỉ bằng 80,73% so với lợi nhuận thực hiện năm 2021 nhưng tăng 1,15% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2022.

6 tháng đầu năm 2022, Công ty đã đạt được những kết quả SXKD khởi sắc do nền kinh tế Việt Nam đã phục hồi dần sau ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 xảy ra trong năm 2021. Tuy nhiên, những hệ lụy từ cuộc khủng hoảng Nga Ucraina xảy ra trong những tháng đầu năm 2022 đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là nguồn cung nguyên, nhiên vật liệu dùng cho sản xuất của nước ta, tác động trực tiếp đến lạm phát và tăng trưởng. Trong bối cảnh đó, tình hình SXKD của Công ty gặp rất nhiều khó khăn từ sáu tháng cuối năm 2022 và kéo dài đến sáu tháng đầu năm 2023 bởi nhu cầu thị trường yếu, giá nguyên liệu giảm sâu... khiến doanh thu của Công ty giảm mạnh, thậm chí có những tháng không có doanh số.

Mặt khác, cổ tức được chia từ việc góp vốn vào các Công ty liên doanh (Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem và Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina) cũng giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước (giảm 50,17% so với cùng kỳ năm trước)

- Về các khoản chi phí:

+ Mặc dù chi phí lãi vay, chi chí chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ giảm, chỉ bằng 64,49% so với cùng kỳ nhưng chi phí tài chính tăng nhẹ (tăng 3,16%) so với cùng kỳ do trong năm Công ty thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

+ Chi phí bán hàng tuy chỉ giảm 24,70% so với thực hiện cùng kỳ, không tương ứng với tỷ lệ giảm doanh thu do Công ty vẫn phải chi trả các khoản dịch vụ mua ngoài liên quan đến công tác bán hàng.

+ Chi phí quản lý tăng 50,66% so với năm 2021 chủ yếu do khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi ít hơn cùng kỳ năm trước, chỉ bằng 68,97% so với cùng kỳ năm trước.

- Nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2022 là 63,82 tỷ, giảm 6,97% so với cùng kỳ. Trong đó, công nợ lớn nhất vẫn là các khách hàng Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn là 47,35 tỷ; Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long là 4,49 tỷ; Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước là 5,7 tỷ. Các khách hàng này chủ yếu nợ tiền thuê máy móc thiết bị ODA, chiếm đến 90,18% tổng nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng. Đầu năm 2021, Tòa án có quyết định mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn. Tòa án yêu cầu Công ty liên hệ với đơn vị xử lý nợ để làm việc. Công ty cũng đã gửi toàn bộ hồ sơ và có giấy biên nhận của đơn vị xử lý nợ nhưng vẫn chưa có kết quả giải quyết trong năm 2022.

1.2. Tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

1.2.1. Về cơ cấu tài sản và nguồn vốn:

Chỉ tiêu/Năm		Đơn vị tính	31/12/2022	31/12/2021
Tài sản				
A.	Tài sản ngắn hạn	Đồng	211.232.437.387	221.007.827.474
B.	Tài sản dài hạn	Đồng	148.377.171.822	153.222.016.555
Tổng cộng Tài sản		Đồng	359.609.609.209	374.229.844.029
Nguồn vốn				
C.	Nợ phải trả	Đồng	110.025.152.507	174.341.004.919
D.	Vốn chủ sở hữu	Đồng	249.584.456.702	199.888.839.110
Tổng cộng Nguồn vốn		Đồng	359.609.609.209	374.229.844.029

- Tổng Tài sản năm 2022 giảm 3,90% so với năm 2021. Trong cơ cấu Tổng Tài sản thì Tài sản ngắn hạn chiếm 58,73%, Tài sản dài hạn chiếm 41,26%. So với cơ cấu tài sản năm 2021, Công ty có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn.

- Trong cơ cấu Tổng Nguồn vốn thì Nợ phải trả chiếm 30,60%, vốn chủ sở hữu chiếm 69,40%. Cơ cấu Nguồn vốn năm 2022 cho thấy mức độ tự chủ của Công ty về vốn ngày càng tăng dần.

- Đến cuối năm 2022, Công ty đã có thặng dư tài chính, với nguồn vốn luân chuyển khoảng 101,68 tỷ đồng.

- Tại thời điểm 31/12/2022, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 55,29 tỷ đồng, tăng 9,87 lần so với cùng kỳ năm trước.

1.2.2. Các tỷ số chung:

1.2.2.1. Tỷ số thanh toán:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
+ Tỷ số thanh toán hiện thời	Lần	1,93	1,27
+ Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	1,27	1,16

Nhìn chung, các tỷ số trên có cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước, thể hiện công ty có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

1.2.2.2. Tỷ số về đòn cân nợ:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
Tổng nợ	VND	110.025.152.507	174.341.004.919
Tổng tài sản	VND	359.609.609.209	374.229.844.029
Tỷ số nợ	%	30,60	46,59

Tỷ số nợ năm 2022 là 30,60%, giảm 15,99% so với năm 2021 là do trong năm, Công ty đã trả một phần khoản nợ vay mua sắm máy móc thiết bị ODA. Trong tổng nợ của Công ty thì nợ vay ODA chiếm tỷ trọng lớn (83,04%). Công ty đã có văn bản kiến

ngợi các cấp có thẩm quyền giải quyết Đề án xử lý rủi ro nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo hướng khoan giãn nợ, không tính lãi, phí quá hạn... nhưng vẫn chưa được giải quyết.

1.2.2.3. Vòng quay hàng tồn kho:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
+ Số vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,69	16,41
+ Số ngày luân chuyển hàng tồn kho	Ngày	78	22

Các chỉ số trên cho thấy công tác kinh doanh của Công ty năm 2022 kém xa so với cùng kỳ năm trước, cho thấy lượng hàng tồn kho rất lớn và tốc độ tiêu thụ hàng hóa chậm.

1.2.2.4 Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần (ROS)	Lần	0,29	0,20
+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	Lần	0,21	0,32
+ Tỷ suất lợi của tài sản (ROA)	Lần	0,14	0,17
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần	0,29	0,20

Các chỉ tiêu đánh giá về khả năng sinh lời của Công ty giảm chủ yếu là do doanh thu thuần thực hiện trong năm 2022 giảm sút, thể hiện sức sản xuất của một đồng vốn kinh doanh giảm.

1.3. Kết quả hoạt động của các công ty con

➤ Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước:

- Doanh thu thực hiện 32,03 tỷ đồng, tương đương kết quả thực hiện cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận sau thuế lỗ 4,30 tỷ đồng.

Sản phẩm sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Nhựa Việt Phước là tấm Polycarbonat (PC) đặc, PC rỗng phục vụ cho thị trường xây dựng. Các sản phẩm này được sản xuất từ thiết bị ODA do Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam cho thuê tài chính. Các thiết bị này có xuất xứ là Trung Quốc, đã có thời gian hoạt động trên 15 năm nên thiết bị hay hư hỏng, tốn nhiều chi phí sửa chữa, chi phí tiêu hao lớn trong khi sản phẩm lại bị lỗi, khó cạnh tranh trên thương trường. Hơn nữa, sản phẩm này phục vụ chủ yếu cho ngành xây dựng trong khi ngành này vẫn chưa có biến chuyển trong năm 2022 do ảnh hưởng của tình hình thị trường và chiến sự quốc tế. Thị trường đầu ra khó khăn như vậy trong khi Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định khoảng 1,5 tỷ đồng... dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ 4,30 tỷ đồng. Đây là năm thứ hai liên tiếp Việt Phước có kết quả kinh doanh thua lỗ. Dự kiến, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 Việt Phước không có thay đổi đáng kể trong khi nhân sự chủ chốt có nhiều thay đổi cũng gây ra nhiều khó khăn đối với Việt Phước.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam: tiếp tục làm thủ tục quyết toán thuế chờ giải thể nên không phát sinh doanh thu, chi phí.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
 - Doanh thu thực hiện: 62.190 đồng (Lãi tiền gửi ngân hàng)
 - Lợi nhuận sau thuế: 1.067.290 đồng, do hoàn nhập một phần dự phòng nợ phải thu khó đòi nhưng vẫn phải chi trả chi phí thường niên như phí môn bài, phí ngân hàng, chữ ký số...
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
 - Doanh thu thực hiện: 34.700 đồng (Lãi tiền gửi ngân hàng)
 - Lợi nhuận sau thuế: - 3.389.300 đồng, chủ yếu là chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh để thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm trong thời gian chờ giải quyết giải thể.

Các Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An, Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1 là các đơn vị sản xuất kinh doanh không có hiệu quả, đã dừng hẳn hoạt động sản xuất kinh doanh chính, chỉ cử cán bộ kiêm nhiệm, tập trung thu hồi công nợ và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng với cơ quan thuế.

1.4. Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 60% vốn điều lệ của công ty.

- Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
 - Doanh thu thực hiện 386,45 tỷ đồng, đạt 77,38% so với thực hiện năm trước
 - Lợi nhuận sau thuế 18,27 tỷ đồng, bằng 50,08% so với cùng kỳ năm trước.
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina
 - Doanh thu thực hiện: 5.651,19 tỷ đồng, bằng 83,88% so với cùng kỳ năm trước
 - Lợi nhuận sau thuế đạt: 201,59 tỷ đồng, bằng 44,53% so với cùng kỳ năm trước

Như vậy, hoạt động của các Liên doanh trên đều giảm sút rõ rệt so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó đóng góp từ cổ tức hàng năm của các đơn vị này có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả của Công ty. Nhận định với những khó khăn của thị trường trong và ngoài nước, dự kiến kế hoạch năm 2023 của các đơn vị này đặt ra tiếp tục giảm hơn so với thực hiện năm 2022.

➤ Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn

Đây là đơn vị liên kết chưa có lợi ích công chúng với giá trị vốn góp ghi sổ là 16.760.800.000 đồng, tương đương 20,69% vốn điều lệ. Giá trị khoản đầu tư đã được đánh giá lại là 16.961.554.628 đồng. Tại ngày Công ty lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn.

2. Hoạt động đầu tư

Trong năm, Công ty không triển khai dự án đầu tư mới, chỉ tiếp tục thực hiện các dự án trước đây:

+ Dự án khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc (sau đây gọi tắt là ODA): Số dư nợ gốc quá hạn chưa thanh toán tại thời điểm 31/12/2022 là 26.966.315,62 CNY. Trong năm 2022, theo đề nghị trả nợ quá hạn của Ngân hàng Phát triển, HĐQT Công ty đã thông qua chủ trương về kế hoạch trả nợ Hợp đồng tín dụng vay vốn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 ngày 24/01/2006 của Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất khuôn mẫu và trục in” (vay vốn ODA) theo kiến nghị của Tổng Giám đốc. Theo đó, phương án cơ cấu khoản nợ này sẽ thực hiện trong vòng 03 năm (2022 - 2024), mỗi năm trả nợ khoảng 40 tỷ đồng và không tính lãi, phí phạt quá hạn (nếu có). Tuy nhiên, do chưa nhận được văn bản phúc đáp của các cấp có thẩm quyền, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và cân đối nguồn vốn để không ảnh hưởng đến nguồn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để thực hiện trả nợ 22 tỷ đồng trong năm 2022.

+ Dự án đầu tư màng nhựa BOPP: Đây là sản phẩm đặc biệt, với tiêu chuẩn kỹ thuật rất khắt khe và rất kén chọn nhà cung cấp. Trong năm, sản lượng tiêu thụ không có biến động do phụ thuộc vào phía nhà cung cấp trong việc đánh giá, nghiệm thu chất lượng sản phẩm. Vì vậy, việc triển khai dự án chưa có tiến triển mới.

3. Hoạt động tài chính, thoái vốn:

+ Công ty đã có chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn nhưng đến nay vẫn chưa thể thực hiện được do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn và yêu cầu Công ty liên hệ với đơn vị xử lý nợ để làm việc. Do phụ thuộc vào việc giải quyết của các cấp có thẩm quyền, việc thoái vốn này cùng với những giải pháp pháp lý mà Công ty đang thực hiện đối với Công ty cổ phần Nhựa Vân Đồn chưa biết khi nào mới thực hiện được.

+ Khoản đầu tư dài hạn khác vào Dự án “Trụ sở, văn phòng trung bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” trị giá 21 tỷ (29%): Mặc dù Chủ đầu tư đã ký Hợp đồng nguyên tắc thực hiện chuyển nhượng nhưng vẫn chưa thực hiện được do thay đổi một số thủ tục của dự án. Phía Chủ đầu tư cũng đã tích cực làm việc với đối tác nhận chuyển nhượng nhưng tiến độ triển khai Dự án vẫn chưa có bước tiến triển trong năm 2022.

4. Công tác nghiên cứu - đào tạo:

Được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đang thực hiện thủ tục quyết toán thuế để giải thể Trung tâm nghiên cứu chất dẻo và đào tạo theo quy định.

5. Một số công tác khác

5.1. Công tác xúc tiến thương mại

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa. Đẩy mạnh công tác dự báo, quản trị rủi ro, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, phù hợp với diễn biến của nền kinh tế, của Công ty và những thay đổi của môi trường kinh doanh trong đó cân đối với nguồn vốn để thu được lợi nhuận cao nhất.

- Tìm kiếm khách hàng mới, đẩy mạnh công tác bán hàng.

- Nghiên cứu thêm các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường, đầu tư thận trọng, theo năng lực.

5.2. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn và phát triển vốn

- Sử dụng vốn điều lệ và các nguồn vốn khác đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả kinh tế.

- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý tài chính kế toán và sử dụng chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Không phát sinh các khoản nợ quá hạn, nợ xấu khó đòi trong năm 2022.

- Luôn tuân thủ các chế độ tài chính kế toán, chấp hành Quy chế tài chính của Công ty và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước.

- Thực hiện trích nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời theo quy định.

5.3. Công tác xử lý nợ xấu

Quyết liệt trong công tác thu hồi các khoản nợ xấu khó đòi với nhiều giải pháp khác nhau: Nỗ lực trong việc liên hệ và làm việc trực tiếp với khách hàng, thực hiện các giải pháp pháp lý, thực hiện các dịch vụ mua bán nợ... tuy nhiên công tác thu hồi nợ chưa có biến động do khách hàng có khó khăn về tài chính, không có khả năng trả nợ. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 96,50% tổng số tiền công nợ xấu.

5.4. Công tác hành chính, nhân sự

➤ Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 23 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2021	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	23	100,00	25	100,00
a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	3	13,04	3	12,00
	Đại học	17	73,91	19	76,00
	Cao đẳng	1	4,35	1	4,00
	Trung cấp nghề	0	0,00		
	Lao động phổ thông	2	8,70	2	8,00

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2021	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
B	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	18	78,26	20	80,00
	Phía Bắc	5	21,74	5	20,00

➤ Chính sách đối với người lao động:

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và chủ nhật.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát; CBCNV được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, văn phòng phẩm, ...

➤ Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Do chưa có đủ điều kiện phát triển sản xuất nên việc tuyển dụng chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh nguyên liệu nhựa và khai thác bất động sản hiện có. Công tác đào tạo và tự đào tạo được chú trọng: đối với khối văn phòng và bộ phận quản lý, tùy theo yêu cầu công việc, Công ty sẽ đãi ngộ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên.

➤ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đúng theo quy định, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

5.5. Công tác an sinh xã hội, chế độ chính sách và hoạt động của các đoàn thể

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống của cán bộ công nhân viên (CBCNV) bằng các hoạt động thiết thực như; hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tặng quà cho CBCNV nữ trong các dịp 8/3, 20/10, quan tâm tặng quà cho con em CBCNV thuộc độ tuổi quy định trong dịp 01/6 ... Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức công đoàn thông qua các chương trình thăm quan, nghỉ mát... để tái tạo sức lao động, tạo không khí vui tươi, lành mạnh trong Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc luôn chú trọng đến công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; trang bị đồng phục công sở cho người lao động.

- Hưởng ứng các phong trào thi đua và các hoạt động xã hội khác do các cơ quan cấp trên phát động.

- Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn, Hội nghị Người lao động năm 2022.

5.6. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT Công ty

- Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng Điều lệ và Nghị quyết của HĐQT.

- Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quyết định giao kế hoạch SXKD, phân công phân nhiệm rõ ràng đối với từng đơn vị, phòng ban, cá nhân theo đúng quy định, quy

trình. Công tác quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả SXKD được thực hiện thường xuyên và định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo.

II. Nhận định chung về những khó khăn Công ty tiếp tục phải đối mặt trong năm 2022 và ảnh hưởng đến những năm sau đó:

1. Vốn góp của công ty vào các công ty con, liên doanh, liên kết chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty nên kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc rất lớn vào kết quả hoạt động của các công ty này.

2. Dự án khuôn mẫu và trực in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc bao nhiêu năm qua luôn là gánh nặng của công ty. Đây là dự án đầu tư không có hiệu quả, không có nguồn để trả nợ. Trong khi đó, các cấp có thẩm quyền chưa giải quyết Đề án xử lý rủi ro theo hướng khoan giãn nợ cho Công ty, vẫn yêu cầu Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thứ tự ưu tiên trả lãi, phí, rồi mới đến nợ gốc. Đồng thời, Công ty luôn phát sinh hàng năm chi phí thuê kho bãi, bảo quản tài sản.

3. Đối với khu nhà 18C Phạm Đình Hồ, mặc dù không làm việc tại đó nhưng Công ty vẫn chưa thực hiện được thủ tục chấm dứt và thanh lý do trước đây Liên hiệp sản xuất xuất nhập nhựa trước đây đã bố trí cho các hộ dân nên không thể bàn giao được nguyên trạng mặt bằng. Tuy đã bàn giao được phần lớn diện tích nhà, đất thực tế không sử dụng nhưng bằng nhiều công văn qua lại đề nghị của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam, Cơ quan quản lý nhà vẫn chưa ký thanh lý Hợp đồng thuê nhà, đất cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và yêu cầu trả lại toàn bộ mặt bằng đã bố trí cho các hộ dân.

Đối với việc trả lại 33,9m² nhà, đất còn lại tại 18C Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng, Hà Nội (bao gồm 02 phòng đã bố trí cho 02 hộ dân là 29,7m² và phân bổ khu diện tích phụ sử dụng chung là 4,2m² cho cơ quan quản lý nhà): Mặc dù Công ty đã bàn giao phần lớn hiện trạng nhà, đất cho cơ quan quản lý nhà từ năm 2020 (tổng cộng gần 400m²) đồng thời thực hiện giải pháp pháp lý để đòi lại phần diện tích nhà, đất còn lại mà trước đây Công ty (tức Liên hiệp SX XNK Nhựa) đã bố trí cho hộ dân sử dụng nhưng trong năm 2022, tình hình trả lại nhà, đất vẫn chưa có chuyển biến tích cực.

4. Khu đất tại Lê Lai, Hải Phòng đứng tên đơn vị phụ thuộc là Xí nghiệp Thương mại dịch vụ Nhựa: Hội đồng nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ban hành Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng khu tái định cư và chỉnh trang đô thị tại Khu vực Ngõ 226 Lê Lai, phường Máy Chai, thành phố Hải Phòng vào tháng 8/2022. Hiện nay Công ty đang tập hợp Hồ sơ pháp lý liên quan đến Khu đất để làm việc với ban ngành có liên quan theo quy định. Do thuộc diện quy hoạch nêu trên nên hiện nay Công ty cũng không khai thác (cho thuê nhà kho) được.

5. Việc triển khai sử dụng phần còn lại của khu đất tại Bình Dương khó thực hiện vừa do ảnh hưởng của nhu cầu thị trường, vừa do ảnh hưởng của các chế độ chính sách hiện hành.

6. Về khu đất Lê Thị Bạch Cát: chưa có phương án khai thác cụ thể do vướng các giấy tờ pháp lý trước đây.

7. Đối với khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án “Trụ sở, văn phòng trung bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên” tọa lạc tại số 360 Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội do Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long làm chủ đầu tư. Công ty tham gia góp vốn với số tiền 21 tỷ đồng (bằng hình thức bù trừ công nợ với Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long). Dự án đã được ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng chưa hoàn tất việc chuyển nhượng. Thông tin triển khai Dự án này Công ty phụ thuộc hoàn toàn từ Chủ đầu tư.

8. Theo văn bản của Bộ Tài chính số 8177/BTC-TCDN, Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam đang nợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp tiền lãi chậm nộp đến thời điểm 31/3/2022 là 13.459.807.713 đồng phát sinh bởi khoản cổ tức từ năm 2008 - 2012. Công ty không có văn bản nào xác nhận về khoản nợ này với các cơ quan Nhà nước. Đồng thời, Công ty đã gửi rất nhiều công văn giải trình tới các Bộ, ngành từ năm 2015 đến nay nhưng Công ty vẫn chưa nhận được phúc đáp

Cho đến thời điểm này, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi, sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ doanh nghiệp. Theo Thông tư 57/2022/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định trên, Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ đối chiếu, xác nhận để bàn giao cho Bộ Tài chính thu vào ngân sách trung ương đối với các đối tượng theo Công văn số 8177/BTC-TCDN của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Khoản nợ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp phát sinh từ lãi chậm trả cổ tức các năm 2008, 2009, 2010, 2012 chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể của các cấp có thẩm quyền.

Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục kiến nghị các cơ quan Nhà nước liên quan để được xem xét, giải quyết khoản nợ này trong thời gian tới.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của riêng Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

Với những khó khăn như đã nêu trên đối với cả Công ty và các đơn vị liên doanh mà Công ty góp vốn đầu tư, Công ty sẽ tiếp tục cố gắng và xây dựng kế hoạch năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2023
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	224,88
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	187,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,20
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,14

2. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp hoàn thành kế hoạch

- Duy trì tốt các công việc và khách hàng hiện có, từng bước phát triển và mở rộng thị trường

- Tích cực đôn đốc, triển khai các biện pháp để xử lý các khoản nợ quá hạn, khó đòi nhằm thu hồi vốn cho Công ty. Hạn chế tối đa phát sinh các khoản nợ xấu mới.

- Quản lý chặt chẽ chi phí, tiết giảm tối đa chi phí, giảm giá vốn hàng bán, nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị/phòng ban.

- Rà soát để xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ, quy định để phù hợp với cơ cấu tái cấu trúc Công ty, tạo điều kiện thúc đẩy mọi hoạt động SXKD của Công ty nhanh gọn, hiệu quả.

- Bổ sung nhân sự có chất lượng, xây dựng cơ chế đãi ngộ theo hiệu quả SXKD để khuyến khích, thu hút, giữ chân người lao động gắn bó với Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý vốn của Công ty tại các đơn vị tham gia vốn góp; công tác kiểm toán nội bộ tại các công ty con, đơn vị trực thuộc.

- Thường xuyên rà soát, phân tích và đánh giá đúng thực trạng, tình hình hoạt động SXKD, tạo cơ sở cho việc phân bổ nguồn vốn một cách linh hoạt, kịp thời và có hiệu quả.

- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

III. Kiến nghị, đề xuất

- Kiến nghị các Bộ, Ban ngành và các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đối với những tồn tại trước đây, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty.

- Đề nghị các cổ đông hỗ trợ, đồng hành cùng Công ty tiếp cận, hợp tác, mở rộng và phát triển thị trường, để Công ty có hướng đi mới, chủ động trong việc triển khai dự án, tạo ra sản phẩm mang thương hiệu Công ty, góp phần nâng cao doanh số của Công ty trong thời gian tới.

Nơi nhận:

- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, KHĐT, Thư ký Cty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Trung Nam



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Ngọc Diệp	Chủ tịch
Ông Phan Trung Nam	Thành viên
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên
Ông Vũ Hân	Thành viên
Ông Bùi Quốc Thịnh	Thành viên
Ông Hoàng Minh Sơn	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trang Thị Kiều Thiên	Trưởng ban
Ông Chu Thế Hoàng	Thành viên
Bà Âu Thị Chi	Thành viên

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Phan Trung Nam.

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Trung Nam - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Số: 141 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do các gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		211.232.437.387	221.007.827.474
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.105.338.190	16.528.827.226
1. Tiền	111		6.105.338.190	14.523.895.719
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.004.931.507
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	105.698.093.090	136.269.371.166
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		105.698.093.090	136.269.371.166
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.063.570.495	49.291.008.717
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	63.822.750.676	68.605.974.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		924.219.527	865.323.345
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.616.948.069	1.616.948.069
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	25.054.675.585	45.653.292.320
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(66.355.023.362)	(67.450.529.249)
IV. Hàng tồn kho	140	10	61.519.561.271	13.331.379.845
1. Hàng tồn kho	141		68.188.291.218	13.385.959.924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.668.729.947)	(54.580.079)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.845.874.341	5.587.240.520
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.011.066.886	4.495.842.549
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	11	834.807.455	1.091.397.971
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.377.171.822	153.222.016.555
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		21.040.000.000	21.040.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	21.040.000.000	21.040.000.000
II. Tài sản cố định	220		341.526.492	380.737.537
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	341.526.492	380.737.537
- Nguyên giá	222		107.304.130.464	107.304.130.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(106.962.603.972)	(106.923.392.927)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		2.989.290.120	2.989.290.120
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.989.290.120)	(2.989.290.120)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	121.221.929.234	125.623.531.266
1. Đầu tư vào công ty con	251		33.023.687.895	33.023.687.895
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		121.946.480.594	121.946.480.594
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(33.748.239.255)	(29.346.637.223)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.773.716.096	6.177.747.752
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	5.712.903.023	5.903.378.591
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	60.813.073	274.369.161
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		359.609.609.209	374.229.844.029

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	178.754.322.471	316.956.368.503
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		178.754.322.471	316.956.368.503
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	175.590.081.845	304.821.163.530
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.164.240.626	12.135.204.973
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	72.476.790.994	74.286.880.476
6. Chi phí tài chính	22	26	13.500.093.599	13.087.101.499
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.103.212.635	7.913.051.887
7. Chi phí bán hàng	25	27	2.794.497.847	3.710.910.869
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	8.105.792.781	5.380.059.242
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		51.240.647.393	64.244.013.839
10. Thu nhập khác	31		444.842.212	265.469.470
11. Chi phí khác	32		85.315.925	96.943.493
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		359.526.287	168.525.977
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		51.600.173.680	64.412.539.816
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	16	213.556.088	762.872.172
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.386.617.592	63.649.667.644



Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng/Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26 tháng 7 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (Nay là Bộ Công thương) và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381966 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 29 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 19 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ nhựa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- In ấn, quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu têt bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ hàng hoá trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu, nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, vận tải hành khách đường bộ khác, bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm, bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh sản phẩm từ nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (Trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (Nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (Ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán: Phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả: Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác: Phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan của Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem	Công ty liên doanh
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.456.585.542	3.466.501.813
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.648.752.648	11.057.393.906
Tương đương tiền (i)	2.000.000.000	2.004.931.507
Cộng	8.105.338.190	16.528.827.226

- (i) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Khoản tiền gửi ngân hàng này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản mở L/C.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng với lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,4%/năm. Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Dương với giá trị 48.252.848.896 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 98.412.028.700 VND) được dùng để thế chấp cho các khoản mở L/C và các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (Như trình bày tại Thuyết minh số 19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MÃ SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
a) Phải thu khách hàng					
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn	63.810.098.676	2.398.345.748	64.811.162.334	2.125.443.938	(62.685.718.396)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	47.357.199.069	-	47.357.199.069	-	(47.357.199.069)
	56.558.848	-	56.558.848	-	(56.558.848)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	5.705.890.172	2.398.345.748	4.204.119.608	2.041.224.325	(2.162.895.283)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.573.647.524	-	1.573.647.524	-	(1.573.647.524)
Các đối tượng khác	9.116.803.063	-	11.619.637.285	84.219.613	(11.535.417.672)
b) Phải thu khác	2.469.399.020	-	2.469.399.020	153.859.581	(2.315.539.439)
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước	512.865.270	-	512.865.270	153.859.581	(359.005.689)
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn	499.932.000	-	499.932.000	-	(499.932.000)
Các đối tượng khác	1.456.601.750	-	1.456.601.750	-	(1.456.601.750)
c) Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.616.948.069	8.400.000	1.604.948.069	21.000.000	(1.583.948.069)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An	1.283.472.319	-	1.283.472.319	-	(1.283.472.319)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một	82.000.000	8.400.000	82.000.000	33.000.000	(49.000.000)
Các đối tượng khác	251.475.750	-	239.475.750	(12.000.000)	(251.475.750)
d) Trả trước cho người bán	865.323.345	-	865.323.345	-	(865.323.345)
Các đối tượng khác	865.323.345	-	865.323.345	-	(865.323.345)
Cộng	68.761.769.110	2.406.745.748	69.750.832.768	2.300.303.519	(67.450.529.249)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13,
Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	3.038.218.616	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	107.304.130.464					
Số dư cuối năm	3.038.218.616	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	107.304.130.464					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	2.672.087.168	102.298.670.805	694.501.247	1.052.714.595	205.419.112	106.923.392.927					
- Khấu hao trong năm	24.604.956	3.407.474	-	-	11.198.615	39.211.045					
Số dư cuối năm	2.696.692.124	102.302.078.279	694.501.247	1.052.714.595	216.617.727	106.962.603.972					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Số dư đầu năm	366.131.448	3.407.474	-	-	11.198.615	380.737.537					
Số dư cuối năm	341.526.492	-	-	-	-	341.526.492					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 106.617.694.664 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 106.345.316.937 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 102.863.379.526 VND và 0 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 102.863.379.526 VND và 0 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch II.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
a) Đầu tư vào Công ty con				
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước (i)	33.023.687.895	(16.786.684.627)	33.023.687.895	(12.385.082.595)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một (ii)	22.298.490.000	(*)	22.298.490.000	(2.172.497.902)
	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An (iii)	5.000.000.000	(*)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nhựa Việt Nam (iv)	725.197.895	(*)	725.197.895	(212.584.693)
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (v)	121.946.480.594	(16.961.554.628)	121.946.480.594	(16.961.554.628)
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem (vi)	16.961.554.628	(*)	16.961.554.628	(16.961.554.628)
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina (vii)	15.279.075.966	(*)	15.279.075.966	(*)
	89.705.850.000	(*)	89.705.850.000	(*)
Cộng	154.970.168.489	(33.748.239.255)	154.970.168.489	(29.346.637.223)

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước với giá trị 22.298.490.000 VND, chiếm tỷ lệ 99,52% tổng vốn điều lệ. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước đang có lộ lũy kế.
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một với giá trị 5.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Số Một đã ngừng hoạt động để thu hồi công nợ trước khi giải thể.
- (iii) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An với giá trị 5.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ. Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An đã ngừng hoạt động để thu hồi công nợ trước khi giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số đầu năm	274.369.161	1.037.241.333
Chuyển sang lợi nhuận/(lỗ) trong năm	(213.556.088)	(762.872.172)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	60.813.073	274.369.161

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh do Công ty tiến hành trích dự phòng nợ phải thu khó đòi cao hơn quy định hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.390.032.591	1.822.261.832
Trích trước chi phí khác	1.640.196.000	1.640.196.000
Cộng	3.030.228.591	3.462.457.832

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
a) Ngắn hạn	1.053.810.298	39.362.998.358
Tài trợ nhập khẩu phải trả	-	38.201.283.625
Kinh phí công đoàn	54.987.340	60.801.220
Nhận ký quỹ, ký cược	79.200.000	79.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	919.622.958	1.021.713.513
b) Dài hạn	481.128.800	481.128.800
Nhận ký quỹ, ký cược	481.128.800	481.128.800
Cộng	1.534.939.098	39.844.127.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	194.289.130.000	(56.103.958.534)	138.185.171.466
Lãi trong năm	-	63.649.667.644	63.649.667.644
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.946.000.000)	(1.946.000.000)
Số dư cuối năm trước	194.289.130.000	5.599.709.110	199.888.839.110
Lãi trong năm	-	51.386.617.592	51.386.617.592
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	(1.691.000.000)	(1.691.000.000)
Số dư cuối năm nay	194.289.130.000	55.295.326.702	249.584.456.702

- (i) Theo Nghị Quyết số 28.22/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty, Đại hội đã thông qua phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 với số tiền là 1.691.000.000 VND.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi tiết vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH	12.794.342	127.943.420.000	65,9%	12.794.342	127.943.420.000	65,9%
Các cổ đông khác	6.634.571	66.345.710.000	34,1%	6.634.571	66.345.710.000	34,1%
Cộng	19.428.913	194.289.130.000	100%	19.428.913	194.289.130.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
- Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	26.790,27	2.666,91

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.103.212.635	7.913.051.887
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.318.899.180	3.001.551.710
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	4.401.602.032	2.172.497.902
Chi phí tài chính khác	1.676.379.752	-
Cộng	13.500.093.599	13.087.101.499

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	753.714.999	1.194.110.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.022.112.994	2.510.854.944
Các khoản chi phí bán hàng khác	18.669.854	5.945.091
Cộng	2.794.497.847	3.710.910.869
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên	4.697.348.099	5.014.283.492
Chi phí khấu hao TSCĐ	203.029.289	266.490.879
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	(1.095.505.887)	(3.530.487.619)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.448.926	1.634.948.429
Các khoản chi phí QLDN khác	2.552.472.354	1.994.824.061
Cộng	8.105.792.781	5.380.059.242

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.600.173.680	64.412.539.816
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(57.854.021.399)	(69.544.291.353)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	247.653.325	123.170.373
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(57.033.894.284)	(65.853.100.866)
<i>Trừ: Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>	(1.067.780.440)	(3.814.360.860)
Thu nhập chịu thuế	(6.253.847.719)	(5.131.751.537)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 52.951.001.311 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 46.697.153.592 VND) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm số tiền 22.036.215.069 VND là khoản tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm nay chưa thu được, nhưng đã bao gồm 42.968.305.554 VND là số tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia phát sinh trong năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 1.390.032.591 VND là khoản lãi vay phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 1.822.261.832 VND là khoản lãi vay phát sinh trong năm trước đã được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

- (i) **Bảng cân đối kế toán:** Trình bày lại các khoản phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

	<u>Số đã báo cáo</u> VND	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Số sau phân loại lại</u> VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Phải trả người bán ngắn hạn (Mã số 311)	39.600.470.231	(38.201.283.625)	1.399.186.606
Phải trả ngắn hạn khác (Mã số 319)	1.161.714.733	38.201.283.625	39.362.998.358

- (ii) **Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:** Trình bày lại lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh năm trước (kỳ so sánh) theo phương pháp gián tiếp để phục vụ cho việc lập báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 202/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.



Phan Trung Nam
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Trần Thị Phụng
Kế toán trưởng/Người lập biểu